TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đạt Thông

2. Ông Dương Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Quãng Thanh Trung, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2023/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị Bích T, sinh ngày 20-5-2973. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P, sinh ngày 20-5-1967. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Thị Bích T trình bày:

Vào năm 1992 chị và anh Nguyễn Văn P tự nguyện tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì giữa hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn thường xuyên cự cãi nhau do tính tình không hợp hay bất đồng quan điểm trong công việc và trong cuộc sống hàng ngày nên chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn P. Về con chung Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm

1994, Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1999 và Nguyễn Tấn T, sinh năm 2003 các con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Theo đơn bản tự khai ngày 20/7/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, con chung, tài sản và nợ chung anh thống nhất như lời trình bày của chị Lâm Thị Bích T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn và cải vã, vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay nên anh đồng ý ly hôn với chị Lâm Thị Bích T. Về con chung Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1999 và Nguyễn Tấn T, sinh năm 2003 các con đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn P có nơi trú tại khóm 6, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn khởi kiện của chị Lâm Thị Bích T có nội dung yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn P là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Bích T và anh Nguyễn Văn P tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1992, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị T và anh P thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh P thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi vã nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những cơ sở phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lâm Thị Bích T và anh Nguyễn Văn P.

[5] Về con chung: Chị Lâm Thị Bích T và anh Nguyễn Văn P có 03 người con chung là Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Bích N, sinh năm

1999 và Nguyễn Tấn T, sinh năm 2003 đều đã trưởng thành chị T và anh P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Lâm Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Bích T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lâm Thị Bích T và anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1999 và Nguyễn Tấn T, sinh năm 2003 đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Lâm Thị Bích T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0016025 ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Thảo